

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN KINH TẾ HỌC

Nguyễn Hoài Bảo¹

¹ Giảng viên bộ môn Kinh tế học - Đại học Kinh tế TP.HCM biên soạn và dùng cho các lớp ôn thi cao học kinh tế năm 2010. Những câu hỏi ở đây chỉ giúp ôn tập chứ không phản ánh quan điểm của Bộ môn hoặc Trường mà tác giả đang làm việc, do vậy những sai sót nếu có là trách nhiệm của chính tác giả. Email: baohoi@gmail.com

Mục lục

Mục lục	2
GIỚI THIỆU KINH TẾ HỌC VÀ KINH TẾ VI MÔ	3
THỊ TRƯỜNG, CUNG, CẦU, ĐỘ CO DẪN, VÀ CAN THIỆP CHÍNH PHỦ	7
LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG.....	13
DOANH NGHIỆP: SẢN XUẤT, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN	18
TỔNG QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ	27
SỐ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ VÀ CÁC LIÊN KẾT CƠ BẢN.....	29
CÂN BẰNG TRONG THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ Ở NGẮN HẠN	33
TIỀN, HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ	37
PHỐI HỢP GIỮA THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ VÀ TIỀN TỆ (MÔ HÌNH IS-LM)	42
ĐÁP ÁN.....	47
TÀI LIỆU THAM KHẢO	48

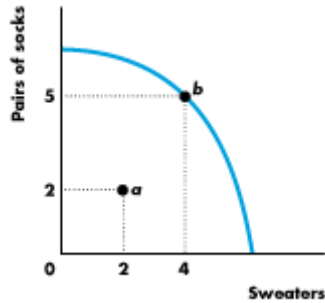
GIỚI THIỆU KINH TẾ HỌC VÀ KINH TẾ VI MÔ

Nội dung phần này chủ yếu là giới thiệu môn kinh tế học, một môn khoa học xã hội nghiên cứu sự phân bổ các nguồn lực khan hiếm cho các mục đích sử dụng có tính cạnh tranh nhằm tối ưu hoá lợi ích cá nhân, tổ chức và xã hội. Từ sự khan hiếm như là một qui luật nên mọi lựa chọn luôn đi kèm với chi phí cơ hội. Chính vì thế, những nhà kinh tế thường nói một cách cay đắng nhưng rất thực: “không có bữa ăn nào là miễn phí” (there are no free lunch).

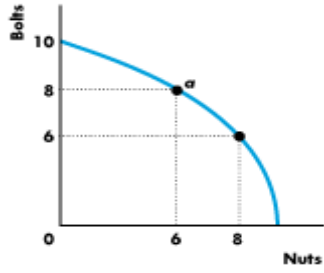
1. Kinh tế học có thể định nghĩa là một môn khoa học nhằm giải thích:
 - a. Tất cả các hành vi của con người.
 - b. Sự lựa chọn trong bối cảnh có sự khan hiếm nguồn lực.
 - c. Sự lựa chọn bị quyết định bởi các chính trị gia.
 - d. Các quyết định của hộ gia đình.
2. Chi phí cơ hội là của một quyết định là:
 - a. Chi phí để ra quyết định đó.
 - b. Chi phí của các cơ hội khác.
 - c. Tổng lợi ích khác bị mất.
 - d. Lợi ích khác lớn nhất bị mất khi ra quyết định.
3. Nếu bạn mua một lon nước CocaCola
 - a. Bạn và người bán cùng có lợi.
 - b. Bạn sẽ có lợi còn người bán thì không nếu bạn mua vào lúc nửa đêm.
 - c. Người bán có lợi còn bạn sẽ thiệt vì phải trả tiền.
 - d. Người bán sẽ có lợi còn bạn chỉ có lợi khi trời nóng.
4. Một ví dụ về thị trường thất bại là khi:
 - a. Một người bán kiểm soát thị trường bằng cách giảm sản lượng làm giá gạo tăng.
 - b. Giá của gạo tăng do mất mùa.
 - c. Tiền lương của công nhân xay gạo giảm.
 - d. Lãi suất tín dụng cho nông dân vay tăng.
5. Phát biểu nào bên dưới xem là thực chứng (positive)?
 - a. Phải chi Việt Nam mở cửa ngoại thương sớm.
 - b. Việt Nam nên khuyến khích xuất khẩu
 - c. Xuất khẩu sẽ làm tăng thặng dư của nhà sản xuất trong nước

- d. Phá giá trong giai đoạn này không phải là cách làm tốt cho xuất khẩu của Việt Nam.
6. Nhiệm vụ của khoa học kinh tế là
- Giúp thế giới tránh khỏi sử dụng quá mức nguồn lực khan hiếm.
 - Giúp chúng ta hiểu nền kinh tế vận hành như thế nào.
 - Cho chúng ta biết điều gì thì tốt cho chúng ta.
 - Lựa chọn có đạo đức về các vấn đề như ma túy, chất kích thích...
7. Phát biểu nào bên dưới không phải là cơ sở để chính phủ can thiệp vào thị trường
- Hàng hoá có tính không loại trừ (non-excludable) nhưng tranh giành (rival)
 - Hàng hoá có không loại trừ và không tranh giành (non-rival)
 - Hàng hoá có ngoại tác tiêu cực
 - Hàng hoá có tính tranh giành (rival) và loại trừ (excludable)
8. Nguồn lực sản xuất là tất cả những vấn đề bên dưới, trừ:
- Tiền mà chúng ta giữ để mua hàng hoá.
 - Đất đai, kỹ năng của lao động và máy móc của doanh nghiệp.
 - Đất đai, tinh thần doanh nhân và vốn nhân lực.
 - Kỹ năng kinh doanh, đất đai và vốn mà doanh nghiệp sở hữu.
9. Chí Phèo ăn hai cái bánh bao cho buổi trưa. Lợi ích biên của Phèo đối với cái bánh bao thứ hai là:
- Số tiền cao nhất mà Phèo sẵn lòng trả cho 2 cái bánh.
 - Số tiền cao nhất mà Phèo sẵn lòng trả cho cái bánh bao thứ hai.
 - Chi phí cơ hội để sản xuất ra hai cái bánh bao
 - Chi phí cơ hội để sản xuất ra cái bánh thứ hai.
10. Các thương hiệu máy tính hiện nay như Sony Vaio, IBM, Dell, Lenovo, Acer, Toshiba....có thể là ví dụ cho cấu trúc thị trường:
- Cạnh tranh hoàn toàn
 - Độc quyền
 - Cạnh tranh độc quyền
 - Độc quyền nhóm

11. Chi phí cơ hội từ của việc chuyển từ điểm a tới điểm b trong hình là:



- a. 2 sweaters
 - b. 0 (zero).
 - c. $3/2$ pairs of socks trên Sweaters
 - d. 3 pairs of socks
12. Nếu đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) có dạng là đường thẳng dốc xuống. Khi đó:
- a. Chi phí cơ hội của việc sản xuất thêm một hàng hoá là tăng dần
 - b. Chi phí cơ hội của việc sản xuất thêm một hàng hoá là giảm dần
 - c. Chi phí cơ hội của việc sản xuất thêm một hàng hoá là không đổi
 - d. Chi phí cơ hội của việc sản xuất thêm một hàng hoá là tăng rồi giảm dần
13. “Bàn tay vô hình” (invisible hand) là cách nói của Adam Smith khi ông ủng hộ:
- a. Nền kinh tế thị trường (tự do)
 - b. Nền kinh tế mệnh lệnh
 - c. Nền kinh tế hỗn hợp
 - d. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
14. Tan học, Tom bỏ ra 30 nghìn để đi taxi về nhà còn Jerry đợi 30 phút để đi xe bus về với giá 3 nghìn. Khi đó:
- a. Tom giàu hơn Jerry
 - b. Tom không thích đi xe bus
 - c. Tom có chi phí cơ hội trong 30 phút ít nhất gấp 10 lần Jerry
 - d. Tom không thích đi chung xe bus với Jerry
15. Công ty Ốc Vít sản xuất đai ốc (nuts) và bu-long (bolts) tại điểm a trong hình vẽ. Chi phí biên của việc sản xuất thêm một đơn vị đai ốc là:



- a. 1 bolt
- b. $8/6$ bolts
- c. $1/2$ bolt
- d. 8 bolts

THỊ TRƯỜNG, CUNG, CẦU, ĐỘ CO DẪN, VÀ CAN THIỆP CHÍNH PHỦ

Phần này tập trung vào cách mà các nguồn lực phân bổ. Nó có thể phân bổ dựa trên cơ chế thị trường tự do mà trong đó mỗi người mua và bán tự mình quyết định sao cho tối đa hoá lợi ích của mình. Cứ như vậy, những ai sống duy lý (rational behaviour) đều tìm được cho mình một lựa chọn thoả mãn ứng với hoàn cảnh của họ. Nhưng, sự mưu cầu cá nhân đôi khi làm tổn hại đến xã hội và đó là lý do duy nhất để chính phủ có mặt và can thiệp. Bằng không, sự có mặt của chính phủ chỉ gây ra tổn thất vô ích mà thôi.

16. Tại mức giá cân bằng trên thị trường thì lượng của người muốn mua bằng với lượng của người muốn bán
- a. Tại thời điểm nào đó
 - b. Trong giai đoạn nào đó
 - c. Tại một địa điểm cụ thể nào đó
 - d. Trong một tháng
17. Nếu thu nhập của người tiêu dùng tăng mà lượng cầu cũng tăng thì hàng hoá đó là:
- a. Hàng hoá cấp thấp (inferior goods).
 - b. Hàng hoá bình thường (normal goods).
 - c. Hàng hoá thay thế (substitutes).
 - d. Hàng hoá bổ sung (complements).
18. Nếu giá của của hàng hoá này tăng làm lượng cầu của hàng hoá kia giảm thì chúng là:
- a. Hàng hoá cấp thấp (inferior goods).
 - b. Hàng hoá bình thường (normal goods).
 - c. Hàng hoá thay thế (substitutes).
 - d. Hàng hoá bổ sung (complements).
19. Giá vé xe bus tăng, nhưng tổng doanh thu của công ty xe bus không thay đổi. Khi đó đường cầu của xe bus là:
- a. Co dẫn ít.
 - b. Co dẫn đơn vị.
 - c. Co dẫn nhiều.
 - d. Co dẫn hoàn toàn.
20. Độ co dẫn của cầu iPod là 4. Nếu giá của iPod tăng 2 phần trăm thì lượng cầu sẽ:

- a. Giảm 8 phần trăm.
 - b. Giảm 0.5 phần trăm.
 - c. Tăng 8 phần trăm.
 - d. Tăng 2 phần trăm.
21. Nếu 10 phần trăm thay đổi của giá hàng hoá dẫn đến 5 phần trăm thay đổi lượng cung. Khi đó cung là và độ co giãn là
- a. Co giãn ít, 0.5.
 - b. Co giãn nhiều, -2.
 - c. Co giãn ít, -0.5.
 - d. Co giãn nhiều, 2.
22. Trên thị trường bán đĩa CD, thặng dư của nhà sản xuất sẽ tăng lên nếu:
- a. Chi phí cơ hội của việc sản xuất CD tăng lên.
 - b. Giá thị trường của CD giảm
 - c. Giá thị trường của CD tăng.
 - d. Lượng cung CD giảm.
23. Lan Anh muốn thuê một phòng ở ký túc xá để ở. Mặc dù tiền thuê phòng là thấp hơn ở bên ngoài nhưng cô không thể tìm ra phòng trống. Sau nhiều tháng “canh me” thì cuối cùng Lan Anh cũng tìm ra một phòng nhưng để được ở cô phải trả thêm 500 nghìn để thay ổ khoá mới. Lan Anh nhận ra cô bị ảnh hưởng bởi:
- a. Cầu phòng ký túc xá ít co giãn.
 - b. Chính sách giá trần.
 - c. Hiệu quả của thị trường cạnh tranh.
 - d. Thị trường chợ đen.
24. Can thiệp nào bên dưới của chính phủ là can thiệp kinh tế
- a. Thuế
 - b. Giá sàn
 - c. Giá trần
 - d. Hạn ngạch sản xuất
25. Trên đường cầu, ở mức giá thì độ co giãn sẽ
- a. Thấp; nhiều
 - b. Cao; nhiều

- c. Cao; ít
- d. Thấp; là đơn vị

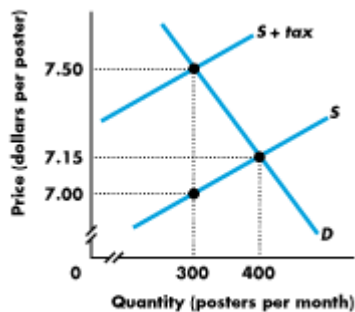
26. Nước mắm được xem là một mặt hàng co giãn ít. Nếu giá của nó tăng lên 10% thì lượng cầu sẽ:

- a. Tăng lên ít hơn 10%
- b. Không đổi.
- c. Không thể trả lời, tùy vào độ co giãn điếm hay khoảng.
- d. Giảm ít hơn 10%

27. Cho đường cầu $Q = 100/P$. Hãy tính độ co giãn tại mức giá $P = 50$

- a. -2
- b. -1
- c. -1.4
- d. 1

28. Hình bên dưới mô tả thị trường của Poster. Thuế (Tax) đánh trên mỗi sản phẩm Poster là Và số thu thuế của chính phủ là



- a. \$0.50 và \$150
- b. \$0.35 và \$200
- c. \$0.35 và \$140
- d. \$0.50 và \$105

29. Bởi vì hầu hết các sản phẩm nông nghiệp có độ co giãn, vì thế một khi mất mùa thì doanh thu của nông dân sẽ

- a. Nhiều, tăng
- b. Nhiều, giảm
- c. Ít, giảm

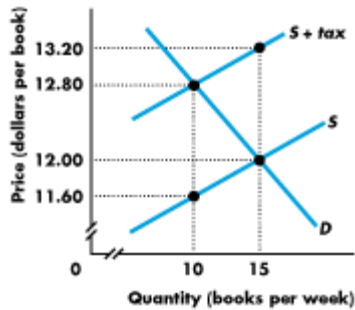
- d. Ít, tăng.
30. Khi chính phủ áp đặt một mức giá trần lên thị trường hàng hoá và dịch nào đó thì:
- Làm tăng giá của hàng hoá và dịch vụ
 - Tạo ra sự thiếu hụt trên thị trường hàng hoá và dịch vụ
 - Có lợi cho tất cả ai có kế hoạch mua hàng hoá và dịch vụ này
 - Chính phủ có lợi khi áp dụng chính sách giá trần
31. Trên thị trường lao động, nếu chính phủ qui định một mức tiền lương tối thiểu thì:
- Đây là mức giá trần trên thị trường lao động
 - Đây là mức giá sàn trên thị trường lao động
 - Đây là một cách hiệu quả để giảm thất nghiệp
 - Đây là một cách để làm thay đổi cầu lao động
32. Dầu gội đầu là một sản phẩm có vì thế người trả hầu hết tiền thuế của sản phẩm này.
- Cầu co dẫn ít, người mua
 - Cung co dẫn ít, người mua
 - Cầu co dẫn nhiều, người mua
 - Cung co dẫn nhiều, người bán
33. Khi đánh thuế lên xăng dầu, phát biểu nào bên dưới là sai?
- Cung giảm, tạo ra tổn thất vô ích (deadweight loss) và mức giá sẽ tăng.
 - Cầu không thay đổi, mức giá tăng và thặng dư người tiêu dùng giảm.
 - Thị trường trở nên kém hiệu quả hơn và chính phủ thu được thuế
 - Cầu giảm, thị trường hiệu quả hơn và giá sẽ tăng.
34. Khi chính phủ đánh thuế một mặt hàng, độ co giãn của người tiêu dùng càng thì càng chịu thuế.
- Không có câu trả lời đúng
 - Ít, ít
 - Ít, nhiều
 - Nhiều, nhiều
35. Nếu cung là $Q = -4.5 + 16P$ và cầu là $Q = 13.5 - 8P$. Chính phủ qui định giá bán là 0.5, khi đó phát biểu nào bên dưới là đúng?
- Thặng dư của người tiêu dùng tăng

- b. Dư thừa hàng hoá
- c. Giá qui định trên là giá trần
- d. Tổng thặng dư tăng

36. Thặng dư của nhà sản xuất như thế nào nếu chính phủ qui định mức giá sàn trong thị trường?

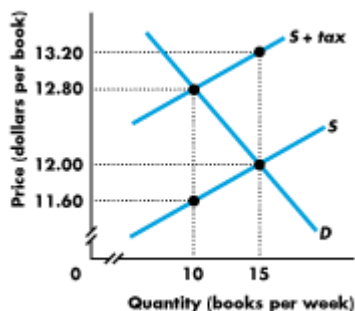
- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không biết

37. Hình bên dưới mô tả thị trường sách (book) trước và sau khi có thuế (tax) trong tuần (week).
Mức thuế trên một quyển sách là, trong đó người mua trả trên mỗi quyển và tổng số thuế mà chính phủ thu được (mỗi tuần) là



- a. 1.20\$; 0.80\$; 12\$
- b. 1.20\$; 0.80\$; 128\$
- c. 0.80\$; 1.20\$; 12\$
- d. 0.40\$; 0.40\$; 4\$

38. Hình bên dưới mô tả thị trường sách (book) trước và sau khi có thuế (tax) trong tuần (week).
Mỗi tuần, thuế tạo ra tổn thất vô ích (deadweight loss) là, thặng dư của người tiêu dùng (consumer surplus) bị giảm là



- a. 3\$; 2\$
- b. 3\$; 10\$
- c. 15\$; 10\$
- d. 12\$; 8\$

39. Ở đảo Phú Quốc, cầu của bút chì là hoàn toàn co dẫn, còn cung của bút chì thì hoàn toàn không co dẫn. Nếu chính phủ đánh thuế trên thị trường này thì:

- a. Người bán trả thuế
- b. Người mua trả thuế
- c. Không ai trả thuế
- d. Thuế chia đều cho người bán lẫn người mua.

40. Một hộp trà sữa giá là 15 nghìn, chính phủ đánh thuế lên mặt hàng này và người mua vẫn trả giá là 15 nghìn. Vậy:

- a. Cầu co dẫn hoàn toàn
- b. Cầu co dẫn ít
- c. Cầu co dẫn nhiều
- d. Cầu không co dẫn

LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

Cả cuộc đời chỉ làm một việc duy nhất là chọn lựa nhưng rủi thay, ai cũng vậy, đều có 50 phần trăm quyền quyết định trong sự chọn lựa của mình. Nhưng may thay, chỉ cần làm tốt 50 phần trăm của mình thì kết quả tốt nhất cũng có thể đạt được. Người tiêu dùng với sở thích là “cho trước” chỉ có quyền quyết định phân chia thu nhập của mình cho những hàng hoá khác nhau nhưng giá của hàng hoá thì ít khi anh ta/chị ta thay đổi theo ý muốn được vì chúng không phải do người tiêu dùng quyết định. Nội dung của chương này cho rằng sự phân bổ hợp lý là ở chỗ lợi ích biên mang lại trên 1 đơn vị chi phí của tất cả sự lựa chọn phải bằng nhau.

41. Phát biểu nào bên dưới vi phạm giả thuyết về sở thích của người tiêu dùng trong kinh tế vi mô:
- Tôi thích uống bia Đức nhất trong tất cả các loại bia
 - Tôi không biết mình thích bia Đức hay bia Tiệp
 - Tôi đã thử ba loại bia: “Đức”, “Tiệp” và “333”. Tôi thích bia Tiệp hơn là 333 nhưng lại thích bia Đức nhất.
 - Càng nhiều bia 333 cho sinh nhật của tôi thì càng tốt
42. Sự thoả mãn mà một người cảm nhận được từ tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ gọi là:
- Hữu dụng (utility)
 - Hữu dụng biên (marginal utility)
 - Lợi ích biên (marginal benefit)
 - Tổng hữu dụng (total utility)
43. Hữu dụng của Mỹ Linh sẽ tối đa khi mà cô ấy phân bổ số tiền mà mình dùng để mua hai hàng hoá nào đó sao cho hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của mỗi sản phẩm:
- Phải tăng lên
 - Phải bằng nhau
 - Phải giảm xuống
 - Phải tối đa
44. Khi bạn tiêu dùng ngày càng nhiều một hàng hoá nào đó, điều này có nghĩa là:
- Hữu dụng biên của sản phẩm không đổi
 - Tổng hữu dụng của sản phẩm không đổi
 - Hữu dụng biên của sản phẩm giảm dần,

- d. Tổng hữu dụng của sản phẩm giảm
45. Tào không thể nào tiêu dùng tại một điểm nằm bên phải của đường giới hạn ngân sách (budget line) bởi vì:
- Không hiệu quả
 - Quá đắt
 - Không thích
 - Không đủ tiền
46. Khi vẽ các đường đẳng ích (indifference curves) lên đồ thị, nếu thấy chúng là các đường thẳng song song với trục tung thì:
- Hàng hoá biểu thị ở trục tung là vô dụng (useless)
 - Hàng hoá biểu thị ở trục hoành là vô dụng (useless)
 - Hai hàng hoá biểu thị ở đồ thị này bổ sung hoàn hảo
 - Hai hàng hoá biểu thị ở đồ thị này là thay thế hoàn hảo
47. Mai Anh thích bơi lội hơn là chơi bóng chày. Cô ấy bơi một giờ thì của cô ấy sẽ nếu cũng một giờ ấy mà Mai Anh chơi bóng.
- Tổng hữu dụng, lớn hơn
 - Hữu dụng biên, bằng với
 - Tổng hữu dụng, bằng với
 - Hữu dụng biên, nhỏ hơn
48. Tăng Thanh Hà mua vòng đeo tay (v) và kẹp tóc (k). Cô ấy đang đạt được mức tối đa hoá hữu dụng. Hữu dụng biên từ (v) là 20 và của (k) là 60. Nếu giá của (k) 12\$ thì giá của (v) là:
- 2\$
 - 4\$
 - 6\$
 - 12\$
49. Anh Bo tiêu dùng một hàng hoá bình thường (normal good). Nếu thu nhập của anh Bo tăng trong khi giá của hàng hoá là không đổi thì hữu dụng biên cho mỗi đơn vị tiêu dùng của Bo sẽ và tổng hữu dụng sẽ
- Tăng, tăng
 - Tăng, giảm
 - Giảm, tăng

d. Giảm, giảm

50. Mai Phương Thích thích trà sữa và hủ tiếu, mỗi tuần cô ấy dành 10\$ để mua hai sản phẩm này. Giá của trà sữa là 2\$ và giá của hủ tiếu là 1\$. Thích mua 3 ly trà và 4 tô hủ tiếu. Bây giờ giá của hủ tiếu tăng lên là 2\$ thì cô ấy sẽ mualy trà vàtô hủ tiếu.

- a. 4; 1
- b. 5; 0
- c. 3; 2
- d. 2; 3

51. Công Vinh tiêu toàn bộ tiền cho giày Nice và điện thoại Nokia và đạt được hữu dụng tối đa. Nếu mức giá của mỗi đôi giày là 4\$ và mỗi điện thoại là 1\$ thì khi đó tỷ lệ là 4.

- a. Giày trên điện thoại
- b. Hữu dụng biên của giày trên hữu dụng biên của điện thoại
- c. Hữu dụng biên của điện thoại trên hữu dụng biên của giày
- d. Tổng hữu dụng của giày trên tổng hữu dụng của điện thoại.

52. Tỷ lệ thay thế biên (MRS) bằng với:

- a. Giá tương đối
- b. Chi phí biên
- c. Độ dốc của đường ngân sách
- d. Độ dốc của đường đẳng ích (indifference curve)

53. Hai hàng hoá mà chúng bổ sung nhau hoàn hảo, đường đẳng ích (indifference curve) sẽ có dạng:

- a. Như chữ L
- b. Đường thẳng dốc lên
- c. Đường thẳng xuống
- d. Đường cong lồi về gốc tọa độ.

54. Brad Pitt tiêu 10\$ mỗi tuần cho coffee (Q_c) và tạp chí (Q_t). Giá của coffee là 1\$ và giá của tạp chí là 2\$. Khi đó đường giới hạn ngân sách tiêu dùng của Brad là:

- a. $Q_t + Q_c = 20$
- b. $Q_t = 5 - 1/2Q_c$
- c. $Q_t = 10 - Q_c$
- d. $Q_c = 10 - 1/2Q_t$

55. Ông nội của Bờm có tiền lương thì thấp hơn Bờm nhưng làm việc nhiều giờ hơn. Bờm làm việc ít giờ hơn bởi vìcủa tiền lương cao là nhỏ hơn
- Tác động thay thế; tác động thu nhập
 - Tác động biên; tác động thu nhập.
 - Tác động của giá; tác động thu nhập
 - Tác động thu nhập, tác động thay thế.
56. Với số tiền như cũ, Thuỳ Lâm quyết định ăn thêm 3 phần gà rán KFC và 1 ly Pepsi khi giá của gà rán giảm đi một nửa. Ngay cả khi không cần uống thêm Pepsi mà cô chỉ cần ăn thêm 1 phần gà thì hữu dụng của cô vẫn đảm bảo như lúc giá gà chưa giảm. Khi đó, tác động thay thế là:
- 1 phần gà
 - 2 phần gà
 - 3 phần gà
 - 1 ly Pepsi
57. Với số tiền như cũ, Thuỳ Lâm quyết định ăn thêm 3 phần gà rán KFC và 1 ly Pepsi khi giá của gà rán giảm đi một nửa. Ngay cả khi không cần uống thêm Pepsi mà cô chỉ cần ăn thêm 1 phần gà thì hữu dụng của cô vẫn đảm bảo như lúc giá gà chưa giảm. Khi đó, tác động thu nhập là:
- 1 phần gà
 - 2 phần gà
 - 3 phần gà
 - 1 ly Pepsi
58. Lan tiêu 30\$ mỗi tuần cho xem phim và tạp chí. Giá vé xem phim là 8\$ và tạp chí là 2\$, cô ấy mỗi tuần xem phim 3 lần và mua 3 tạp chí. Bây giờ giá của tạp chí tăng lên là 4\$ và Điệp đưa thêm cho Lan 6\$ mỗi tuần để cô ấy vẫn có thể tiếp tục xem phim 3 lần và đọc 3 tạp chí. Trong tình huống này Lan có thể xem phim và mua tạp chí
- 3; 3
 - Nhiều hơn 3; ít hơn 3
 - Ít hơn 3; ít hơn 3
 - Ít hơn 3; nhiều hơn 3.

59. Hàm hữu dụng của Bắc là $U_B = X(Y-2)$ và của Nam là $U_N = X(2-Y)$ đối với sản phẩm X và

Y. Phát biểu nào bên dưới là sai?

- a. Cả Bắc và Nam đều thích X
- b. Bắc thích Y nhưng Nam thì không
- c. Bắc thích X nhưng Nam thì không
- d. Cả Bắc và Nam khác nhau về sở thích

60. Đường giới hạn ngân sách đối với Bưởi và Cam của ông Kẹ là $10 = 2Q_B + Q_C$ trong khi hàm

hữu dụng là $U = Q_B + 2Q_C$. Khi đó ông Kẹ sẽ:

- a. Dành hết tiền để mua cam
- b. Dành hết tiền để mua bưởi
- c. Cam hay bưởi gì cũng được, miễn sao hết tiền
- d. Không có phương án tiêu dùng tối ưu

DOANH NGHIỆP: SẢN XUẤT, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN

Lợi nhuận là kết quả chênh lệch giữa doanh thu và chi phí. Doanh thu đến từ giá của sản phẩm và lượng bán ra còn chi phí là bắt nguồn từ công nghệ sản xuất mà doanh nghiệp lựa chọn. Một doanh nghiệp độc quyền họ kiểm soát được giá trên thị trường, trong khi đó doanh nghiệp cạnh tranh phải chấp nhận giá.

61. Bất kỳ phương pháp (method) nào được dùng để sản xuất ra hàng hoá và dịch vụ thì gọi là Nólợi nhuận tối đa mà doanh nghiệp có thể có được.
- Công nghệ; giới hạn
 - Thông tin; tăng
 - Thông tin, giới hạn
 - Công nghệ, tăng
62. Hiệu quả theo qui mô (economic of scale) [hay lợi thế kinh tế theo qui mô] xuất hiện khitrên từng đơn vị sản phẩm
- Giá; tăng khi sản lượng tăng.
 - Chi phí; tăng khi sản lượng giảm.
 - Giá; giảm khi sản lượng giảm.
 - Chi phí; giảm khi sản lượng tăng.
63. Hiệu suất theo qui mô (returns to scale) tăng là tình huống mà nhà máy gấp đôi nhập lượng thì sản lượng sẽ
- Tăng; tăng hơn gấp đôi
 - Tăng; tăng bằng gấp đôi
 - Tăng; giảm
 - Tăng; tăng ít hơn gấp đôi
64. Cho hàm sản xuất $Q = AKL^{1/2}$ (trong đó A là hệ số) và K,L là vốn và lao động. Nếu K và L giảm đi một nửa thì sản lượng sẽ:
- Giảm đi một nửa
 - Giảm ít hơn một nửa
 - Giảm nhiều hơn một nửa
 - Chưa biết, tùy vào hệ số A

65. Cho hàm sản xuất là $q = 2K^{1/2}L^{1/2}$. Trong ngắn hạn, $K = 100$, nếu giá của K là 1\$ và giá của L là 4\$ thì hàm chi phí sẽ là:
- $STC = 100 + 4L$
 - $STC = 100 + 0.5q$
 - $STC = 100 + 0.5q^2$
 - $STC = 100 + 4q$
66. Cho hàm sản xuất là $q = 2K^{1/2}L^{1/2}$. Tại mức $K = 100$ và $L = 81$ thì tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS) của L đối với K là:
- 9/10
 - 10/9
 - 100/81
 - 81/100
67. Nhà máy làm bánh Như Lan sản xuất được 2 tấn bánh mỗi ngày và không thể sản xuất được nhiều hơn trừ khi họ mua thêm máy mới. Khi đó nhà máy đạt được hiệu quả
- Kỹ thuật
 - Kinh doanh
 - Kinh tế
 - Sản xuất
68. Tất cả các quyết định của doanh nghiệp đều muốn đạt được một mục tiêu quan trọng nhất là:
- Tối đa hoá sản lượng bán
 - Tối đa hoá lợi nhuận
 - Tối đa hoá doanh thu
 - Tối đa hoá thị phần.
69. Trong kinh tế học, ngắn hạn là khoảng thời gian trong đóvà dài hạn là giai đoạn mà
- Vài nguồn lực là cố định; tất cả nguồn lực là thay đổi.
 - Tất cả nguồn lực là biến đổi nhưng công nghệ là cố định; công nghệ là thay đổi.
 - Vài nguồn lực là biến đổi; tất cả nguồn lực là cố định.
 - Tất cả nguồn lực là cố định; tất cả nguồn lực là thay đổi.
70. Trường Kinh tế mua một máy vi tính với giá 500USD, sau 2 năm thanh lý với giá 50 USD. Phát biểu nào bên dưới là đúng

- a. Chi phí cố định (fixed cost) của trường là 450
- b. Chi phí chìm (sunk cost) của trường là 450
- c. Chi phí kế toán (accounting cost) của trường là 450
- d. Chi phí kinh tế (economic cost) của trường là 500

71. Phát biểu nào bên dưới là đúng?

- a. Khi sản phẩm biên lớn hơn sản phẩm trung bình thì sản phẩm trung bình đang tăng.
- b. Khi sản phẩm trung bình lớn hơn sản phẩm biên thì sản phẩm biên đang tăng.
- c. Khi sản phẩm trung bình tăng thì sản phẩm biên đang tăng.
- d. Khi sản phẩm biên đang giảm thì sản phẩm trung bình giảm.

72. Phát biểu nào bên dưới là đúng?

- a. Khi sản phẩm biên lớn hơn sản phẩm trung bình, sản phẩm biên tăng
- b. Khi sản phẩm biên bằng sản phẩm trung bình, sản phẩm biên cực đại
- c. Khi sản phẩm trung bình bằng sản phẩm biên, sản phẩm trung bình giảm.
- d. Khi sản phẩm biên bằng sản phẩm trung bình, sản phẩm trung bình cực đại

73. Ở mọi mức sản lượng, phát biểu nào bên dưới là sai?

- a. Chi phí trung bình lớn hơn chi phí biến đổi trung bình
- b. Chi phí biến đổi trung bình lớn hơn chi phí cố định trung bình
- c. Chi phí biên lớn hơn chi phí biến đổi trung bình
- d. Chi phí trung bình lớn hơn chi phí cố định trung bình

74. Nếu chi phí biên đang thấp hơn, khi đóđang.....

- a. Tổng chi phí trung bình; Tổng chi phí biến đổi; giảm
- b. Chi phí biến đổi trung bình; chi phí biến đổi trung bình; giảm
- c. Tổng chi phí trung bình; Chi phí biên; tăng
- d. Chi phí biến đổi trung bình; Chi phí biên; tăng.

75. Nếu chi phí biên đang lớn hơn chi phí biến đổi trung bình thì

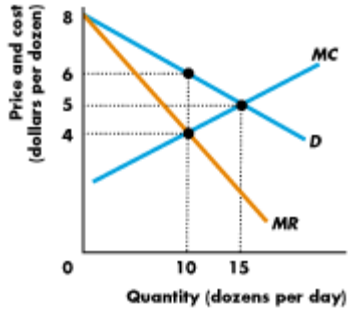
- a. Chi phí biến đổi trung bình đang tăng
- b. Tổng chi phí trung bình đang tăng
- c. Tổng chi phí trung bình đạt cực tiểu
- d. Chi phí cố định trung bình đang tăng

76. Khi một hãng gặp lợi thế giảm theo qui mô (diseconomis of scale) thì độ dốc của đường chi phícủa nó

- a. Trung bình ngắn hạn; dốc xuống
 - b. Biên; dốc xuống
 - c. Trung bình dài hạn; dốc xuống.
 - d. Trung bình dài hạn; dốc lên
77. Khi sản phẩm biên là cực đại, thì sản phẩm trung bình
- a. Tăng
 - b. Bằng với sản phẩm biên
 - c. Cực đại
 - d. Giảm
78. Nếu tổng chi phí cố định tăng lên, khi đó đường tổng chi phí trung bình và đường chi phí biên
- a. Dịch lên trên, không thay đổi.
 - b. Không thay đổi; không thay đổi
 - c. Dịch lên trên; dịch lên trên
 - d. Không thay đổi; dịch lên trên
79. Nếu sản lượng tăng và sản lượng trung bình cũng tăng, thì
- a. Chi phí biến đổi trung bình giảm
 - b. Chi phí cố định trung bình giảm
 - c. Tổng chi phí trung bình giảm
 - d. Chi phí biên giảm
80. Nếu tất cả các đầu vào tăng 5% dẫn đến sản lượng đầu ra tăng 8%. Khi đó:
- a. Doanh nghiệp có lợi thế kinh tế theo qui mô
 - b. Doanh nghiệp có hiệu suất tăng theo qui mô
 - c. Tổng chi phí trung bình dài hạn dốc xuống
 - d. Tổng chi phí trung bình dài hạn dịch sang phải
81. Mức sản lượng mà tại đó có sản lượng trung bình đạt cực đại thì cũng là mức sản lượng mà
- a. Tổng chi phí trung bình
 - b. Chi phí biến đổi trung bình
 - c. Chi phí biên
 - d. Chi phí cố định trung bình

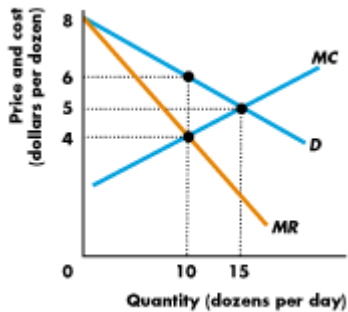
82. Mức sản lượng mà tại đó tổng chi phí trung bình cực tiểu thì mức sản lượng mà đạt cực tiểu.
- Lớn hơn; chi phí biến đổi trung bình
 - Cũng như; chi phí biến đổi trung bình
 - Cũng như; sản phẩm biên
 - Nhỏ hơn; chi phí biến đổi trung bình
83. Sản lượng tăng khi mà chi phí biên lớn hơn chi phí biến đổi trung bình nhưng nhỏ hơn chi phí trung bình thì tổng chi phí trung bình sẽ và chi phí biến đổi trung bình
- Tăng; giảm
 - Giảm; tăng
 - Giảm; giảm
 - Tăng; tăng
84. Trong cấu trúc thị trường cạnh tranh hoàn hảo, mỗi doanh nghiệp
- Có thể tác động là thay đổi giá
 - Sản xuất mức sản lượng cao nhất có thể
 - Đối diện với đường cầu co dãn hoàn toàn với sản lượng của nó
 - Quyết định giá trên thị trường
85. Bà Tư bán 200 gói xôi mỗi buổi sáng và chi phí biên của xôi vẫn đang thấp hơn giá của thị trường. Xôi là thị trường cạnh tranh hoàn hảo thì lợi nhuận của bà sẽ tăng lên nếu bán:
- Ít hơn 200
 - 200 nhưng phải tăng giá
 - Nhiều hơn 200 và tăng giá
 - Nhiều hơn 200
86. Hiện nay chi phí biên là 5 và doanh thu biên là 4. Nếu sản lượng tiếp tục tăng thì:
- Lợi nhuận sẽ tăng
 - Lợi nhuận sẽ giảm
 - Lợi nhuận không đổi
 - Lợi nhuận âm (lỗ)
87. Pepsi đang bán chai nước Aquafina là 5 nghìn, phòng nghiên cứu thị trường cho biết độ co dãn của cầu đối với sản phẩm này là -0.2. Nếu Pepsi quyết định giảm giá bán còn 4 nghìn thì:
- Doanh thu bán Aquafina tăng

- b. Doanh thu bán Aquafina giảm
 - c. Doanh thu bán Aquafina không đổi
 - d. Lợi nhuận của Pepsi tăng
88. Duyên đang nón len để bán, chi phí biên để làm cái thứ nhất là 12\$, cái thứ hai là 14\$ và cái thứ ba là 16\$. Giá bán trên thị trường (cạnh tranh) hiện nay là 14\$. Để tối đa hoá lợi nhuận Duyên nên làm:
- a. 3 cái
 - b. 2 cái
 - c. 1 cái
 - d. Làm nhiều nhất có thể.
89. Nếu giá trên thị trường cạnh tranh đang cao hơn chi phí biến đổi trung bình của doanh nghiệp thì tổng doanh thu của doanh nghiệp sẽ lớn hơn:
- a. Chi phí cố định
 - b. Tổng chi phí biến đổi
 - c. Chi phí cơ hội
 - d. Tổng chi phí
90. Độc quyền xảy ra khi:
- a. Có rào cản trong việc gia nhập ngành
 - b. Có trợ cấp của chính phủ
 - c. Có nhiều sản phẩm thay thế
 - d. Có nhượng quyền thương hiệu (franchise)
91. Hiệu quả kinh tế theo qui mô có khả năng tạo ra:
- a. Một thị trường có các sản phẩm đồng nhất
 - b. Độc quyền tự nhiên (natural monopoly)
 - c. Độc quyền do luật định (legal monopoly)
 - d. Độc quyền do chính phủ (government monopoly)
92. Hình bên dưới là câu (D), doanh thu biên (MR) và chi phí biên (MC) của “sô cô la” độc quyền mang tên Charlence. Nếu Charlence bán 1 giá cho tất cả những người tiêu dùng thì thặng dư của họ là:



- a. 20\$
- b. 40\$
- c. 0\$
- d. 10\$

93. Hình bên dưới là cầu (D) và chi phí biên (MC) của sô cô la độc quyền mang tên Charlene. Nếu Charlene bán 1 giá cho tất cả những người tiêu dùng thì lợi ích của nhà độc quyền là và tổn thất do độc quyền là



- a. 10\$; 5\$
- b. 60\$; 10\$
- c. 30\$; 3\$
- d. 50\$; 0\$

94. Cho hàm sản xuất $Q = 2K^{0.5}L$ Khi đó sản phẩm trung bình và sản phẩm biên của lao động tại

$K = 4$ và $L = 2$ là:

- a. 8 và 4
- b. 4 và 4
- c. 4 và 8
- d. 8 và 8

95. Hàm tổng chi phí: $TC = 25 + 4q(1+q)$, tại $q = 5$ chi phí biến đổi trung bình là và chi phí biên là
- 24 và 24
 - 24 và 44
 - 30 và 24
 - 5 và 44
96. Hàm chi phí trung bình là $AC = 3 + 10/q^{1/2}$. Khi đó
- Chi phí biên lớn hơn AC ở mọi q .
 - Chi phí biên lớn hơn AVC ở mọi q .
 - Chi phí biên nhỏ hơn AC ở mọi q .
 - Chi phí biên không thay đổi ở mọi q .
97. Một hãng độc quyền có $AC = Q + 10.000/Q$ và $MR = 30 - Q$. Mức giá có lợi nhuận tối đa là:
- 25
 - 10
 - 35
 - 20
98. Một hãng độc quyền đối diện với đường cầu là $P = 20 - Q$. Giá độc quyền mà hãng này bán ra trên thị trường dao động ở khoảng:
- $10 < P < 20$
 - $5 < P < 10$
 - $P < 10$
 - $P > 20$
99. Hàm chi phí biên của một doanh nghiệp độc quyền $MC = 15 - 2Q$. Hiện tại doanh nghiệp này cung ứng ra thị trường mức sản lượng là 5 và giá là 10 thì hệ số độc quyền Lerner là:
- 1
 - 0.5%
 - 0.5
 - 1%
100. Một nhà máy cấp nước độc quyền đối diện với đường cầu là $P = 12 - 1/30Q$ (với Q là m^3). Mỗi ngày nhà máy tốn chi phí biến đổi là 4\$ và chi phí cố định là 100\$. Khi đó giá bán là và lợi nhuận mỗi ngày là

- a. $8\$/\text{m}^3$; 380\$
- b. $120\$/\text{m}^3$; 380\$
- c. $8\$/\text{m}^3$; 960\$
- d. $4\$/\text{m}^3$; 580\$

TỔNG QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Phân tích kinh tế vĩ mô cũng giống như chúng ta đeo đồng hồ. Nếu chỉ cần xem giờ thì nhìn vào các cây kim. Trong khi đó, phân tích vi mô là lúc mà chúng ta tháo rời cái đồng hồ để xem sự vận hành của các bánh răng bên dưới. Học kinh tế vĩ mô là học cách xem giờ: sự phối hợp giữa kim giây, kim phút và kim giờ cũng tựa như sự phối hợp của tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp trong nền kinh tế. Khó thay, đôi khi vài kim trong vĩ mô không chạy hoặc chạy ngược. Mỗi sáng thức dậy, chính phủ suy nghĩ là có nên vặn lại nó hay không!

1. Vấn đề nào sau đây là mối quan tâm của kinh tế vĩ mô:
 - a. Giá nông dân thô tăng trở lại trong thời gian gần đây
 - b. Thất nghiệp ở các nước OECD đang ở mức cao nhất trong 20 năm trở lại đây
 - c. Sự thoả mãn của khán giả đối với chương trình ca nhạc của HTV giảm.
 - d. Xuất khẩu gạo của Việt Nam đứng thứ nhất trên thế giới.
2. Phát biểu nào bên dưới được coi là chuẩn tắc
 - a. Lạm phát và thất nghiệp có quan hệ nghịch biến
 - b. Chính phủ nên giảm thuế để giảm suy thoái kinh tế
 - c. Lãi suất tăng thì đầu tư giảm
 - d. Tiền lương tối thiểu làm biến dạng thị trường lao động
3.là giá trị của tổng sản phẩm cuối cùng trong một nền kinh tế được tính bằng giá của một năm nào đó làm gốc.
 - a. GDP danh nghĩa
 - b. GDP thực
 - c. GDP tiềm năng
 - d. GDP
4. GDP thực bằng với GDP tiềm năng khi:
 - a. Nền kinh tế có mức tăng trưởng lớn hơn bình thường
 - b. Thất nghiệp là rất thấp
 - c. Kinh tế đang ở đỉnh của chu kỳ
 - d. Tất cả các nguồn lực sản xuất được toàn dụng
5. Một trong những thước đo mức giá tổng quát trong nền kinh tế là
 - a. Sự thay đổi trung bình trong CPI

- b. Tỷ lệ lạm phát
 - c. Tốc độ tăng trưởng
 - d. CPI (Consumer Price Index)
6. Chính sách tài khoá (ngân sách) [fiscal policy] không bao gồm:
- a. Việc tăng chi tiêu của chính phủ
 - b. Giảm thuế
 - c. Xây dựng thêm cơ sở hạ tầng
 - d. Giảm lãi suất
7. Nếu ngân hàng trung ương dự đoán lạm phát tăng và họ tăng lãi suất thì đó là một ví dụ của:
- a. Chính sách tài khoá
 - b. Chu kỳ kinh tế
 - c. Chính sách tiền tệ
 - d. Nền kinh tế sắp bị suy thoái
8. Sản lượng tiềm năng trong kinh tế vĩ mô là:
- a. Sản lượng cao nhất của nền kinh tế có thể làm ra được
 - b. Là sản lượng dự báo trong tương lai
 - c. Là sản lượng ở đó không có thất nghiệp
 - d. Là sản lượng ở đó toàn dụng các yếu tố sản xuất
9. Trong 2 quý liền, dấu hiệu nào bên dưới được xem là nền kinh tế bắt đầu suy thoái:
- a. Không có thất nghiệp
 - b. Không có lạm phát
 - c. Không có xuất khẩu
 - d. Không có tăng trưởng kinh tế
10. GDP có thể là chỉ số tốt để đo lường hạnh phúc của quốc gia khi mà
- a. GDP cũng là thu nhập khả dụng
 - b. Hàng hoá và dịch vụ trên thị trường đem lại cho con người hạnh phúc
 - c. GDP không tính hàng hoá và dịch vụ tối
 - d. GDP không bỏ sót các hoạt động phi thị trường

SỐ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ VÀ CÁC LIÊN KẾT CƠ BẢN

Không có số liệu, chúng ta không cần phải học kinh tế vĩ mô.

11. Nước Zig có tốc độ tăng dân số là 2% và tăng trưởng GDP thực là 10%. Khi đó tăng trưởng GDP thực bình quân đầu người của nó xấp xỉ là:
- 8%
 - 2%
 - 10%
 - 4%
12. “GPD là giá thị trường của tất cả hàng hoá và dịch vụ trong nền kinh tế trong một giai đoạn nào đó”.
- Trung gian
 - Cuối cùng
 - Đã qua sử dụng
 - Tiêu dùng
13. GDP ròng tính theo giá thị trường là:
- Lương (w) + Lãi (i) + Lợi nhuận (π) + Tiền thuê (R) + Thuế gián thu (Ti)
 - Lương (w) + Lãi (i) + Lợi nhuận (π) + Tiền thuê (R) + Thuế gián thu (Ti) + khấu hao (De)
 - Lương (w) + Lãi (i) + Lợi nhuận (π) + Tiền thuê (R) + khấu hao (De)
 - Lương (w) + Lãi (i) + Lợi nhuận (π) + Tiền thuê (R)
14. Khấu hao trong nền kinh tế bằng với:
- Đầu tư gộp trừ với đầu tư ròng
 - Đầu tư ròng trừ với đầu tư gộp
 - Tổng trữ lượng vốn trừ với tổng đầu tư ròng
 - Tổng đầu tư ròng trừ với tổng trữ lượng vốn
15. GDP là tổng của tiêu dùng tư nhân, đầu tư, chi tiêu chính phủ và
- Xuất khẩu ròng
 - Tiết kiệm
 - Thuế ròng
 - Lợi nhuận

16. Cán cân ngân sách của chính phủ là cân bằng và tổng đầu tư bằng với tổng tiết kiệm thì

- a. Đây là nền kinh tế đóng
- b. Có thặng dư trong cán cân thương mại
- c. Có thâm hụt trong cán cân thương mại
- d. Cân bằng trong cán cân thương mại

17. Phát biểu nào bên dưới là sai?

- a. Đầu tư nội địa bằng với tiết kiệm nội địa
- b. GDP giá thị trường lớn hơn GDP giá yếu tố
- c. GDP ròng lớn hơn GDP gộp
- d. GDP thực tính bằng giá năm gốc

18. GNI (hay GNP) lớn hơn GDP khi mà:

- a. $NTR > 0$
- b. $NTR < 0$
- c. $NIA > 0$
- d. $NIA < 0$

19. Lạm phát tính theo CPI của Việt Nam năm 2008 là 15%, điều này có nghĩa là:

- a. CPI tăng so với năm gốc 15%
- b. Giá tất cả hàng hoá thiết yếu tăng 15%
- c. CPI tăng so với năm 2007 là 15%
- d. Thu nhập của người dân giảm xuống 15%

20. Nếu $C = 70$; $G = 20$; $T = 25$; $I = 15$; $X = 10$ và $M = 5$. Khi đó, tiết kiệm của hộ gia đình (S_p) là:

- a. 15
- b. -15
- c. 45
- d. 40

21. Nếu $C = 70$; $G = 20$; $T = 25$; $I = 15$; $X = 10$ và $M = 5$. Khi đó, tiết kiệm của chính phủ (S_g) là:

- a. 5
- b. 45
- c. 15

- d. -5
22. Trong năm 2009, cán cân thương mại của nước Latvia là cân bằng, GDP của nó là 500\$; $C = 385\$$ và $I = 14\$$. Khi đó, chi tiêu chính phủ phải là:
- 500\$
 - 899\$
 - 101\$
 - 0\$ (zero)
23. Cô Tấm hái quả thị đem ra đầu làng bán cho thương lái được 100\$, thương lái bán lại cho siêu thị Sài Gòn được 150\$ và siêu thị niêm yết giá bán của quả thị là 300\$.
- Giá trị gia tăng ở siêu thị là 50\$
 - Giá trị gia tăng của thương lái là 150\$
 - Tổng giá trị gia tăng là 550\$
 - Giá trị gia tăng của cô Tấm là 100\$
24. Cô Tấm hái quả thị đem ra đầu làng bán cho thương lái được 100\$, thương lái bán lại cho siêu thị Sài Gòn được 150\$ và siêu thị niêm yết giá bán của quả thị là 300\$. Tổng chi tiêu cuối cùng ở đây là
- 550\$
 - 450\$
 - 300\$
 - 100\$
25. GDP thực của Betania năm 2009 là 108 và năm 2008 là 100. Khi đó tăng trưởng thực của Betania là
- 0.8%
 - 8%
 - 8 lần
 - 1.08%
26. Trong lý thuyết vĩ mô, tổng tiết kiệm quốc gia trong nền kinh tế “đóng” là:
- Tiết kiệm của hộ gia đình và tiết kiệm của doanh nghiệp
 - Tiết kiệm của chính phủ và của doanh nghiệp
 - Tiết kiệm của chính phủ, hộ gia đình và doanh nghiệp
 - Tiết kiệm của hộ gia đình và tiết kiệm của chính phủ

27. Trong nền kinh tế đóng, nếu chính phủ tăng chi tiêu của mình thì:
- Làm giảm tiết kiệm của chính phủ
 - Làm giảm tiết kiệm tư nhân
 - Làm tăng tiết kiệm của chính phủ
 - Làm tăng tiết kiệm tư nhân
28. Trong nền kinh tế đóng, tổng đầu tư là 500, tổng tiết kiệm tư nhân là 400, nếu số thu thuế của chính phủ là 300 thì chi tiêu của chính phủ sẽ là:
- 100
 - 200
 - 900
 - 700
29. Trong nền kinh tế mở, nếu tổng đầu tư lớn tổng tiết kiệm trong nước thì:
- Có thâm hụt thương mại
 - Có thặng dư thương mại
 - Có vay nợ
 - Có vốn đầu tư nước ngoài
30. Nếu BB Thanh Vân chăm sóc da cho Jonny Trí Nguyễn (anh này mang quốc tịch Mỹ) với số tiền là 10 nghìn USD trong năm. Tiền này thống kê sẽ ghi nhận vào đâu của Việt Nam
- Xuất khẩu (X)
 - Tiêu dùng của hộ gia đình (C)
 - Chuyển nhượng ròng (NTR)
 - Thu nhập ròng từ nước ngoài (NIA)

CÂN BẰNG TRONG THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ Ở NGẮN HẠN

Sản lượng quốc gia (national output) là trái tim của môn kinh tế học. Nó là kết quả của sự cân bằng trên thị trường hàng hoá và dịch vụ. Tất cả quốc gia đều muốn hàng năm có tăng trưởng cao, tức là sản lượng làm ra ngày càng nhiều hơn (tính bằng tiền). Chính phủ cũng góp tay vào khát vọng này bằng chính sách chi tiêu và thuế của mình. Trong ngắn hạn, may thay, số nhân là lớn hơn 1, nghĩa là sản lượng trong nền kinh tế sẽ tăng nhiều hơn 1 đồng mà chính phủ chi tiêu hay giảm thuế (lưu ý: trong dài hạn, đó là tai hoạ của quốc gia!)

31. Tiêu dùng biên (Marginal Propensity to Consume) là
- Cộng với tiết kiệm biên (Marginal Propensity to Saving) bằng 1
 - Là phần số của tiêu dùng trên GDP
 - Là số lượng tiêu dùng trong thu nhập khả dụng
 - Là tỷ phần tiêu dùng trong thu nhập khả dụng
32. Sự kiện nào bên dưới làm tiêu dùng dịch chuyển (shift)?
- Thuế tăng
 - Tiêu dùng tự định tăng
 - Thu nhập tăng
 - Tiêu dùng biên tăng
33. Sự kiện nào bên dưới làm đường vẽ hàm tiêu dùng dựng đứng hơn?
- Thu nhập khả dụng tăng
 - GDP thực tăng
 - Sự sụt giảm của MPS
 - Sự sụt giảm trong MPC
34. Độ dốc của hàm tiết kiệm là 0.27, khi đó:
- Tiêu dùng biên là 0.73
 - Tiết kiệm biên là 0.73
 - Tiêu dùng biên là 0.27
 - Nhập khẩu biên nhỏ hơn 0.27
35. Thu nhập khả dụng là 5\$, tiết kiệm là 1.75\$ khi đó chi tiêu phải là
- 3.25\$
 - 0.56\$

- c. 6.75\$
 - d. 0.35\$
36. Trong một nền kinh tế không có thương mại và thuế, $MPS = 0.2$. Chi tiêu tự định tăng lên một khoảng là sẽ dẫn đến tổng thu nhập tăng lên 60\$ và khi đó số nhân là
- a. 48\$ và 1.25
 - b. 12\$ và 5
 - c. 75\$ và 12
 - d. 300\$ và 5
37. MPC càng thì dẫn đến độ dốc của AE (AD) càng và số nhân càng
- a. Nhỏ; lớn; nhỏ
 - b. Lớn, lớn, lớn
 - c. Lớn, lớn, nhỏ
 - d. Lớn, nhỏ, lớn
38. Nếu chi tiêu biên là 0.8, khi đó số nhân chi tiêu chính phủ sẽ là:
- a. 0.8
 - b. 5
 - c. 1.25
 - d. 0.2
39. Cho $C = 150 + 0.8Y$. Nếu Y tăng 10 đơn vị thì S_p sẽ:
- a. Tăng 8
 - b. Tăng 2
 - c. Giảm 8
 - d. Giảm 2
40. Cho $C = 150 + 0.8(Y-T)$ nếu T tăng 1 đơn vị thì C sẽ
- a. Tăng 0.8
 - b. Tăng 0.2
 - c. Giảm 0.2
 - d. Giảm 0.8
41. Cho $C = 150 + 0.8(Y-T)$ nếu T tăng 1 đơn vị thì S_p sẽ
- a. Tăng 0.8
 - b. Giảm 0.8

- c. Tăng 0.2
 - d. Giảm 0.2
42. Cho $C = 150 + 0.8(Y-T)$ thì số nhân thuế trong nền kinh tế này là
- a. 4
 - b. -5
 - c. 5
 - d. -4
43. Cho $C = 150 + 0.5(Y-T)$; trong khi đó $T = 10 + 0.2Y$ thì số nhân thuế trong nền kinh tế này là:
- a. -1
 - b. -0.3
 - c. -1.667
 - d. -0.5
44. Hiện nay thu nhập cân bằng là 4000\$, nếu chính phủ tăng thêm chi tiêu là 40\$. Biết tiêu dùng biên của hộ gia đình là 0.6 và thuế không phụ thuộc vào thu nhập thì thu nhập mới sẽ tăng thêm:
- a. 4100\$
 - b. 100\$
 - c. 40\$
 - d. 24\$
45. Hiện nay thu nhập cân bằng là 4000\$, nếu chính phủ tăng thêm chi tiêu là 40\$ bằng cách tăng thuế. Biết tiêu dùng biên của hộ gia đình là 0.6 và thuế không phụ thuộc vào thu nhập thì thu nhập mới sẽ tăng thêm:
- a. 4100\$
 - b. 100\$
 - c. 40\$
 - d. 24\$
46. Biết rằng tổng chi tiêu khả dụng là $AE = 425 + 0.75Y$, khi đó sản lượng cân bằng là:
- a. 425
 - b. 1500
 - c. 1700

- d. Chưa thể xác định
47. Biết rằng tổng chi tiêu khả dụng là $AE = 425 + 0.75Y$, nếu sản lượng trong nền kinh tế là 1500 thì thị trường hàng hoá đang một lượng là
- Dư thừa; 200
 - Thiếu hụt; 50
 - Dư thừa; 50
 - Thiếu hụt; 200
48. Trong ngắn hạn, nếu trên thị trường hàng hoá đang rơi vào tình trạng dư thừa hàng hoá thì:
- Hàng tồn kho ngoài dự kiến đang tăng
 - Giá cả sẽ giảm
 - Tiêu dùng sẽ tăng
 - Chính phủ tăng chi tiêu
49. Hiện nay tiết kiệm của hộ gia đình là 70 và chi tiêu là 200, nếu hộ gia đình quyết định cắt giảm chi tiêu của mình thì:
- Tiết kiệm sẽ tăng
 - Tiết kiệm sẽ giảm
 - Tiết kiệm không đổi
 - Đầu tư sẽ giảm
50. Khi nói đến *biến số tự định (autonomous variable)* thì điều này có nghĩa là biến số đó:
- Bị quyết định bởi một hay nhiều biến số khác
 - Là biến số độc lập, không phụ thuộc vào biến số khác
 - Do chính phủ tự định
 - Do hộ gia đình tự định

TIỀN, HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Trong chiếc xe thương mại (trade), tiền không phải là cái bánh xe mà nó chỉ là dầu nhờn bôi trơn, không có nó chiếc xe vẫn chạy. Phần này cho biết làm cách nào để ngân hàng trung ương bơm dầu vào hoặc rút ra khỏi nền kinh tế, cũng từ đó hiểu về sự biến động của lãi suất trên thị trường tiền tệ.

51. Tiền là trong kinh tế học:
- Là bất cứ thứ gì miễn sao được chấp nhận chung trong thanh toán và giao dịch
 - Tiền giấy và tiền kim loại do nhà nước ban hành
 - Là tài sản của dân chúng
 - Là tài sản của ngân hàng trung ương
52. Nếu nền kinh tế không có tiền, khi đó mọi giao dịch sẽ diễn ra bằng cách
- Thẻ tín dụng
 - Hàng đổi hàng (barter)
 - Hàng đổi vàng
 - Nhà nước bảo lãnh
53. M2 là tổng khối lượng tiền chỉ có:
- Tiền mặt
 - Tiền gửi không kỳ hạn
 - Tiền gửi không kỳ hạn và tiền mặt
 - Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn
54. Khả năng (tính) thanh khoản (liquidity) có nghĩa là:
- Sẽ tăng lên khi người tiêu dùng có nhiều thẻ tín dụng
 - Tài sản gì đó mà chúng nhanh chóng có thể chuyển thành tiền
 - Là số vàng mà quốc gia có được
 - Là sự nhanh chóng lên giá của một tài sản
55. Bảng cân đối (balance sheet) của một ngân hàng thương mại có thể mô tả như phương trình bên dưới:
- Vốn chủ sở hữu (Equity) + Tài sản (assets) = Nợ (liabilities)
 - Vốn chủ sở hữu (Equity) = Tài sản (assets) + Nợ (liabilities)
 - Vốn chủ sở hữu (Equity) - Nợ (liabilities) = Tài sản (assets)

- d. $\text{Vốn chủ sở hữu (Equity) + Nợ (liabilities) = Tài sản (assets)}$
56. Dự trữ của ngân hàng thương mại là:
- Tổng số tiền dự trữ của ngân hàng (gồm bắt buộc và vượt mức)
 - Số tiền dự trữ bắt buộc bởi qui định của ngân hàng trung ương
 - Là số dự trữ vượt mức của ngân hàng thương mại
 - Là số tiền gửi của ngân hàng thương mại tại ngân hàng trung ương
57. Phát biểu nào bên dưới là đúng về cầu tiền
- Là số tiền mà người dân giữ để mua hàng hoá và dịch vụ
 - Là lượng tiền thực mà dân chúng muốn giữ để thanh toán
 - Là ham muốn về tiền của người dân
 - Là số hàng hoá mà người dân mua sắm trong năm
58. Nếu tổng tiền gửi tăng nhưng tổng cho vay (dư nợ tín dụng) không đổi thì tỷ lệ dự trữ:
- Lớn hơn 1
 - Không thay đổi
 - Tăng
 - Giảm
59. Một trong những mục tiêu của ngân hàng trung ương là kiểm soát bằng cách thay đổi.....
- lạm phát; số lượng tiền trong nền kinh tế
 - mức giá, chi tiêu của chính phủ
 - thất nghiệp, lạm phát kỳ vọng
 - lạm phát, mức giá chung.
60. Khi ngân hàng trung ương tham gia vào thị trường mở bằng cách mua trái phiếu chính phủ thì:
- Tổng tiền gửi của ngân hàng thương mại tăng nhưng dự trữ không đổi
 - Tổng tiền gửi của ngân hàng thương mại và dự trữ của nó tăng
 - Dự trữ tăng
 - Đầu tư của ngân hàng cho cổ phiếu tăng
61. Cầu tiền của dân chúng sẽkhi
- Tăng; khi lãi suất thực giảm
 - Tăng; thu nhập tăng thực tăng

- c. Giảm; khi lãi suất danh nghĩa giảm
 - d. Tăng, khi thu nhập danh nghĩa tăng
62. Lãi suất danh nghĩa trên thị trường tăng 5% và lạm phát trên thị trường là 10%. Khi đó:
- a. Cầu tiền tăng vì lãi suất danh nghĩa tăng
 - b. Cầu tiền giảm vì lạm phát tăng
 - c. Cầu tiền giảm vì lãi suất thực giảm
 - d. Cầu tiền không đổi vì thu nhập không thay đổi
63. Tỷ lệ tiền mặt trên tiền gửi là 0.8 và tỷ lệ dự trữ trong hệ thống ngân hàng đối với tổng tiền gửi là 0.2 thì số nhân tiền trong nền kinh tế này là:
- a. 4
 - b. 0.5
 - c. 1.8
 - d. 1.25
64. Số nhân tiền trong nền kinh tế là 2, nếu ngân hàng tăng 10% lượng tiền cơ sở (tiền mạnh) thì cung tiền thực sẽ tăngnếu lạm phát
- a. 20%; 1%
 - b. 1%; 5%
 - c. 10% ; 2%
 - d. 5%; 2%
65. Những sự kiện nào bên dưới làm cho cầu tiền tăng?
- a. Sự tăng lên của tổng sản lượng
 - b. Sự tăng lên của mức giá
 - c. Sự tăng lên của lãi suất
 - d. Sự tăng lên của cung tiền
66. Nếu có một khoản tiền gửi mới vào ngân hàng là 500\$ thì tổng lượng tiền được tạo ra trong hệ thống ngân hàng sẽ là bao nhiêu nếu họ giữ lại 10% số tiền gửi.
- a. 500\$
 - b. 5000\$
 - c. 450\$
 - d. 950\$
67. Công cụ nào bên dưới là công cụ của chính sách tiền tệ?

- a. Lãi suất chiết khấu và lãi suất thị trường
 - b. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc và lãi suất cho vay
 - c. Mua bán trái phiếu trên thị trường mở
 - d. Lãi suất trái phiếu chính phủ
68. Nếu ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ thì:
- a. Lãi suất trên thị trường tiền tệ tăng
 - b. Lãi suất trên thị trường tiền tệ giảm
 - c. Lãi suất trên thị trường tiền tệ không ảnh hưởng
 - d. Giá trái phiếu giảm
69. Nếu tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho hệ thống ngân hàng giảm thì
- a. Lãi suất trên thị trường tiền tệ tăng
 - b. Lãi suất trên thị trường tiền tệ giảm
 - c. Lãi suất trên thị trường tiền tệ không ảnh hưởng
 - d. Tổng tiền gửi sẽ tăng
70. Nếu ngân hàng trung ương vừa bán trái phiếu ra trên thị trường mở vừa đồng thời giảm lãi suất chiết khấu thì lãi suất trên thị trường tiền tệ sẽ:
- a. Tăng
 - b. Giảm
 - c. Không đổi
 - d. Không thể kết luận
71. Khi lãi suất chiết khấu tăng thì
- a. Lãi suất trên thị trường tiền tệ tăng
 - b. Lãi suất trên thị trường tiền tệ giảm
 - c. Lãi suất trên thị trường tiền tệ không ảnh hưởng
 - d. Tổng tiền gửi sẽ tăng
72. Suy thoái kinh tế, làm thu nhập của dân chúng giảm, khi đó lãi suất trên thị trường tiền tệ:
- a. Tăng
 - b. Giảm
 - c. Không ảnh hưởng
 - d. Mới đầu giảm, sau đó tăng
73. Lãi suất nào bên dưới là lãi suất thực (real interest) trong nền kinh tế?

- a. Lãi suất cho vay
 - b. Lãi suất tiền gửi
 - c. Lãi suất thị trường tiền tệ liên ngân hàng
 - d. Các câu trên đều sai
74. Ngân hàng trung ươngcung tiền trong nền kinh tế
- a. kiểm soát được; trong mọi tình huống
 - b. kiểm soát được; nếu số nhân tiền ổn định
 - c. kiểm soát được; nếu kiểm soát được tỷ lệ tiền mặt trên tiền gửi của dân chúng
 - d. kiểm soát được; nếu kiểm soát được tỷ lệ dự trữ vượt mức của ngân hàng thương mại
75. Trên thị trường tiền tệ, cầu tiền tăng sẽ dẫn đến lãi suất tăng. Phát biểu này làvì
- a. Sai; lãi suất quan hệ nghịch với cầu tiền
 - b. Đúng; đó là lãi suất cân bằng khi mà cung tiền không đổi
 - c. Đúng, vì cầu tiền và lãi suất tương quan đồng biến
 - d. Sai, vì lãi suất tăng sẽ làm giảm cầu tiền

PHỐI HỢP GIỮA THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ VÀ TIỀN TỆ (MÔ HÌNH IS-LM)

Trong ngắn hạn², tiền có quyền lực hơn thực chất của nó. Ngân hàng trung ương tăng tiền có thể làm thu nhập của nền kinh tế tăng và ngược lại. Sự kết hợp giữa thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ thông qua mô hình có tên gọi là IS-LM chứng minh được nhận định trên. Cũng trong mô hình này, chính phủ cũng gián tiếp làm biến động lãi suất ở thị trường tiền tệ.

76. IS là quan hệ giữavà sao cho trên thị trườngđạt được cân bằng.
- Thu nhập; chi tiêu; hàng hoá
 - Thu nhập; lãi suất; tiền tệ
 - Thu nhập, lãi suất; hàng hoá
 - Thu nhập, chi tiêu; tiền tệ
77. LM là quan hệ giữavà sao cho trên thị trườngđạt được cân bằng.
- Thu nhập; chi tiêu; hàng hoá
 - Thu nhập; lãi suất; tiền tệ
 - Thu nhập, lãi suất; hàng hoá
 - Thu nhập, chi tiêu; tiền tệ
78. Mô hình IS-LM cân bằng khi mà ở đó có và đạt cân bằng trên thị trường và thị trường.....
- Thu nhập; lãi suất; hàng hoá; tiền tệ
 - Thu nhập; giá cả; hàng hoá; tiền tệ
 - Giá cả; lãi suất; hàng hoá; tiền tệ
 - Thu nhập; tỷ giá; hàng hoá; tiền tệ
79. Biến số nào sau đây làm đường IS dịch chuyển sang phải?
- Giảm chi tiêu chính phủ (G)
 - Tăng thuế (T)
 - Tăng đầu tư tự định (I_0)
 - Tăng cung tiền (M)
80. Độ dốc của đường IS phụ thuộc vào:

² Trong dài hạn, tiền trở về vị trí của nó là trung gian trao đổi. Tăng tiền chỉ làm tăng giá chứ không thể làm tăng của của nền kinh tế.

- a. Chi tiêu tự định của hộ gia đình
 - b. Chi tiêu của chính phủ
 - c. Chi tiêu biên của hộ gia đình
 - d. Lãi suất
81. Tình huống nào bên dưới làm đường IS gần như nằm ngang
- a. Tiêu dùng biên của hộ gia đình gần bằng 1
 - b. Tiêu dùng biên của hộ gia đình gần bằng 0 (zero)
 - c. Lãi suất gần như không ảnh hưởng đến đầu tư
 - d. Lãi suất gần như không ảnh hưởng đến cầu tiền
82. Đường LM dịch chuyển lên trên khi:
- a. Cung tiền tăng
 - b. Cung tiền giảm
 - c. Thu nhập tăng
 - d. Thu nhập giảm
83. Trong mô hình IS-LM, lãi suất sẽ khi mà chi tiêu của chính phủ
- a. giảm; tăng
 - b. tăng; tăng
 - c. tăng; giảm
 - d. không đổi; tăng
84. Trong mô hình IS-LM, lãi suất sẽ khi mà ngân hàng trung ương tỷ lệ dự trữ hoặc bắt buộc.....trái phiếu chính phủ
- a. giảm; tăng; bán
 - b. giảm; giảm; bán
 - c. giảm; tăng; mua
 - d. giảm; giảm; mua
85. Trong mô hình IS-LM, lãi suất sẽ và thu nhập sẽ khi mà ngân hàng trung ương tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- a. Tăng; giảm, tăng
 - b. Tăng; tăng; tăng
 - c. Giảm; giảm; giảm
 - d. Giảm; tăng; tăng

86. Chính phủ thực hiện chính sách mở rộng ngân sách (tăng G, hoặc giảm T) và ngân hàng trung ương thực hiện chính sách mở rộng tiền tệ (tăng M), khi đó:
- Thu nhập tăng; lãi suất tăng
 - Thu nhập tăng; lãi suất chưa biết
 - Thu nhập chưa biết; lãi suất giảm
 - Thu nhập giảm; lãi suất giảm
87. Khi nền kinh tế gặp suy thoái, ngân hàng trung ương không nên:
- Giảm lãi suất chiết khấu
 - Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Tăng lãi suất chiết khấu
 - Bán trái phiếu trên thị trường mở
88. Lãi suất trên thị trường tăng là do:
- Chính phủ tăng thuế
 - Ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ trên thị trường mở
 - Chính phủ tăng chi tiêu
 - Ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
89. Bẫy thanh khoản (liquidity trap) là hiện tượng mà ngân hàng trung ươngcung tiền nhưngkhông đổi.
- giảm; thu nhập
 - tăng; lãi suất
 - Tăng; thu nhập
 - Giảm; giá cả
90. Phát biểu nào bên dưới là đúng nếu lãi suất không ảnh hưởng đến đầu tư?
- Chính sách tiền tệ không ảnh hưởng lên thu nhập
 - Chính sách tài khoá không ảnh hưởng lên thu nhập
 - Chính sách tài khoá không ảnh hưởng lên lãi suất
 - Chính sách tiền tệ không ảnh hưởng lên lãi suất
91. Mô hình IS-LM là mô hình dựa trên giả thuyết và là mô hình
- Giá không đổi, tĩnh
 - Giá không đổi; động
 - Thu nhập không đổi; động

- d. Thu nhập không đổi; tĩnh
92. Cho $C = 200 + 0.75(Y-T)$; $T = G = 100$ và $I = 200 - 25r$. Khi đó hàm số của IS là
- $Y = 1700 - 100r$
 - $r = 1700 - 100Y$
 - $Y = 1700 + 100r$
 - $r = 1700 + 100Y$
93. Cho $C = 200 + 0.75(Y-T)$; $T = G = 100$ và $I = 200 - 25r$. Khi đó độ dốc của đường IS là
- 0.01
 - 10
 - 100
 - 0.01
94. Cho $C = 200 + 0.75(Y-T)$; $T = G = 100$ và $I = 200 - 25r$. Nếu thu nhập trong nền kinh tế này là 1500 và lãi suất hiện thời là 6. Khi đó trên thị trường hàng hoá đang:
- Dư thừa
 - Thiếu hụt
 - Cân bằng
 - Không xác định được.
95. Cho hàm cầu tiền là $L = Y - 100r$ và cung tiền danh nghĩa là 1000, nếu mức giá trên thị trường là 2 thì hàm số của LM sẽ là:
- $Y = -500 + 100r$
 - $Y = 500 + 100r$
 - $r = 500 + 100Y$
 - $r = -500 + 100Y$
96. Cho hàm cầu tiền là $L = Y - 100r$ và cung tiền danh nghĩa là 1000, nếu mức giá trên thị trường là 2 thì độ dốc của đường LM là
- 10
 - 0.01
 - 100
 - 0.01
97. Cho hàm cầu tiền là $L = Y - 100r$ và cung tiền danh nghĩa là 1000 và mức giá trên thị trường là 2. Nếu thu nhập hiện nay là 1500 và lãi suất là 6 thì thị trường tiền tệ đang:

- a. Dư thừa
 - b. Thiếu hụt
 - c. Cân bằng
 - d. Không xác định được.
98. Nếu hàm số của IS là $r = 17 - 0.01Y$ và của LM là $r = -5 + 0.01Y$. Thu nhập và lãi suất cân bằng đồng thời là:
- a. $Y = 1000$ và $r = 6$
 - b. $Y = 1100$ và $r = 6$
 - c. $Y = 1100$ và $r = 6\%$
 - d. $Y = 1000$ và $r = 6\%$
99. Cân bằng chung trên thị trường hàng hoá và tiền tệ hiện nay có thu nhập (Y) là 1000\$ và lãi suất (r) là 3%. Kết quả nào bên dưới là *đúng* nếu ngân hàng trung ương bán ra 300\$ trái phiếu?
- a. $Y < 1000\$$ và $r < 3\%$
 - b. $Y > 1000\$$ và $r < 3\%$
 - c. $Y < 1000\$$ và $r > 3\%$
 - d. $Y > 1000\$$ và $r > 3\%$
100. Lấn át (crowding out) là hiện tượngtăng đầu tư làmđầu tư
- a. Chính phủ; giảm; tư nhân
 - b. Chính phủ; tăng; tư nhân
 - c. Tư nhân; giảm; tư nhân
 - d. Tư nhân; giảm; chính phủ

ĐÁP ÁN

Phần Vi mô

1 b	11 B	21 a	31 b	41 b	51 b	61 a	71 a	81 c	91 b
2 d	12 C	22 c	32 a	42 a	52 d	62 d	72 d	82 a	92 a
3 a	13 A	23 b	33 d	43 b	53 a	63 a	73 c	83 b	93 a
4 a	14 C	24 a	34 c	44 a	54 b	64 b	74 b	84 c	94 b
5 c	15 A	25 b	35 c	45 d	55 a	65 c	75 a	85 d	95 b
6 b	16 B	26 d	36 d	46 b	56 a	66 c	76 d	86 b	96 c
7 d	17 B	27 b	37 a	47 a	57 b	67 a	77 a	87 b	97 a
8 a	18 D	28 a	38 b	48 b	58 b	68 b	78 a	88 b	98 a
9 b	19 B	29 d	39 a	49 c	59 c	69 a	79 a	89 a	99 c
10 c	20 A	30 b	40 a	50 a	60 a	70 b	80 b	90 a	100 a

Phần vĩ mô

1 b	11 A	21 a	31 a	41 d	51 a	61 b	71 a	81 a	91 a
2 b	12 B	22 c	32 b	42 d	52 b	62 a	72 b	82 b	92 a
3 b	13 A	23 d	33 c	43 b	53 c	63 c	73 d	83 b	93 a
4 d	14 a	24 c	34 a	44 b	54 b	64 d	74 b	84 d	94 a
5 d	15 a	25 b	35 a	45 c	55 d	65 a	75 b	85 a	95 b
6 d	16 d	26 d	36 b	46 c	56 a	66 b	76 c	86 b	96 b
7 c	17 a	27 a	37 b	47 b	57 b	67 c	77 b	87 c	97 b
8 d	18 c	28 b	38 b	48 a	58 c	68 a	78 a	88 c	98 b
9 d	19 c	29 a	39 b	49 c	59 a	69 b	79 c	89 c	99 c
10 b	20 a	30 a	40 d	50 b	60 c	70 d	80 c	90 a	100 a

TÀI LIỆU THAM KHẢO

David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch, 2007, *Kinh tế học*, NXB Thống kê (sách dịch).

Đại học kinh tế, bộ môn kinh tế học, *Tài liệu ôn tập môn Kinh tế học*, 2009, Lưu hành nội bộ.

Econ100 website: <http://www.econ100.com/usa/mic5e/>

Robert S. Pindyck và Daniel L. Rubinfeld, 2000, *Kinh tế học vi mô*, NXB Khoa học Kỹ thuật (sách dịch)

N. Gregory Mankiw, 1996, *Kinh tế Vi mô*, NXB Thống Kê (sách dịch)

Paul Krugman and Robin Wells, 2006, *Macroeconomics*, Worth Publisher.

Walter Nicholson, 1997, *Intermediate Microeconomics*, Seventh edition, The Dryden Press.